

Số: /2022/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non 05 tuổi,
học sinh trung học cơ sở công lập và ngoài công lập
giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ em
mầm non 05 tuổi, học sinh trung học cơ sở công lập và ngoài công lập giai đoạn
2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 72/BC-
VHXH ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non 05 tuổi, học sinh trung học cơ sở công lập và ngoài công lập giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thụ hưởng

a) Trẻ em mầm non 05 tuổi đang học thực tế tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập được thành lập, cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Học sinh trung học cơ sở đang học chương trình phổ thông tại các trường trung học cơ sở công lập và ngoài công lập được thành lập, cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch.

b) Trường hợp có sự trùng lặp về đối tượng hưởng chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị quyết này với các văn bản quy phạm pháp luật khác đang thực hiện có mức hỗ trợ cao hơn thì được hưởng theo mức hỗ trợ cao hơn.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ bằng 100% mức thu học phí công lập theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho từng cấp học theo từng năm học.

3. Thời gian hỗ trợ

a) Trẻ em mầm non 05 tuổi được hưởng hỗ trợ từ năm học 2022 - 2023 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2022) đến hết năm học 2023 - 2024.

b) Học sinh trung học cơ sở được hưởng hỗ trợ từ năm học 2022 - 2023 (từ ngày 01 tháng 9 năm 2022) đến hết năm học 2024 - 2025.

Thời gian hỗ trợ theo số tháng học tập thực tế tại các cơ sở giáo dục theo quy định, tối đa không quá 10 tháng/01 năm học đối với trẻ em mầm non và không quá 09 tháng/01 năm học đối với học sinh trung học cơ sở.

Điều 4. Hình thức, trình tự thực hiện

1. Hình thức hỗ trợ và chi trả

a) Trẻ em mẫu giáo 05 tuổi và học sinh trung học cơ sở công lập được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho các cơ sở giáo dục mầm non công lập và các trường trung học cơ sở công lập để thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

b) Trẻ em mẫu giáo 05 tuổi và học sinh trung học cơ sở ngoài công lập: Ngân sách nhà nước cấp trực tiếp cho cha mẹ hoặc người giám hộ trẻ em mẫu giáo 05 tuổi và học sinh trung học cơ sở ngoài công lập bằng mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.

2. Trình tự thực hiện

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông lập nhu cầu kinh phí chi trả cho các đối tượng được hỗ trợ học phí theo mẫu số 01, mẫu số 03 (ngoài công lập) và mẫu số 02, mẫu số 03 (công lập) kèm theo Nghị quyết này gửi Phòng Giáo dục và Đào tạo;

b) Phòng Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp nhu cầu kinh phí theo mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết này trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm đảm bảo nguồn để thực hiện chính sách theo quy định.

c) Phương thức chi trả

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giao dự toán cho Phòng Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết này cùng kỳ giao dự toán đầu năm;

Đối với cơ sở giáo dục mầm non và trường trung học cơ sở công lập: Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện phân bổ cho các cơ sở giáo dục cùng kỳ giao dự toán đầu năm để thực hiện chính sách hỗ trợ học phí theo Nghị quyết này.

Đối với cơ sở giáo dục mầm non, trường trung học cơ sở và cơ sở giáo dục phổ thông nhiều cấp ngoài công lập: sau khi kết thúc mỗi tháng học, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được danh sách đối tượng được hỗ trợ học phí, Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện phân bổ cho các cơ sở giáo dục và trong vòng 05 ngày làm việc các cơ sở giáo dục thực hiện chi trả cho các đối tượng được hỗ trợ.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

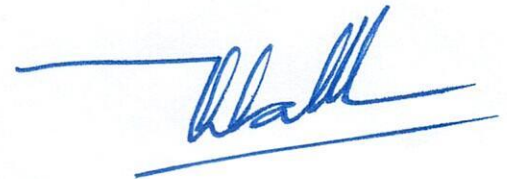
Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTr.Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, SGDĐT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Phạm Viết Thanh

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ/HỌC SINH

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông ngoài công lập)

Lớp:

STT	Họ và tên trẻ em/học sinh	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Họ và tên cha mẹ/ người giám hộ trẻ em/học sinh	Địa chỉ cha mẹ/ người giám hộ trẻ em/học sinh	Ghi chú
A	B	1	2	$3 = 1 \times 2$	4	5	6
1							
2							
3							
....							
	Tổng cộng						

....., ngày tháng năm

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ CHO TRẺ/HỌC SINH

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập)

Lớp:

STT	Họ và tên trẻ em/học sinh	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền	Ghi chú
A	B	1	2	$3 = 1 \times 2$	4
1					
2					
3					
....					
	Tổng cộng				

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TÊN ĐƠN VỊ

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ HỌC PHÍ

Đơn vị: đồng

STT	Khối	Số đối tượng được hỗ trợ	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ	Thành tiền
A	B	1	2	3	4 = 1x2 x 3
I	Khối				
1	Lớp				
2	Lớp				
.....					
II	Khối				
1	Lớp				
2	Lớp				
.....					
	Tổng cộng				

....., ngày tháng năm.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND HUYỆN/THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BẢNG TỔNG HỢP CẤP BÙ HỌC PHÍ

(Dành cho các Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thị xã, thành phố)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên cơ sở giáo dục	Tổng số học sinh	Mức học phí	Số tháng	Tổng kinh phí cấp bù	Ghi chú
A	B	1	2	3	$4 = 1 \times 2 \times 3$	5
1	Trường					
	- Khối					
	- Khối					
						
2	Trường					
	- Khối					
	- Khối					
						
	Tổng cộng					

....., ngày tháng năm.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)